

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 9 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuộng
2. Ông Trần Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2020/TL.ST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy P (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh H

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh V (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tr, xã T, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Thúy P trình bày:

Vào năm 2007 sau khi hai bên tự tìm hiểu nhau, bà và chồng bà tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long A vào ngày 04/6/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, ông V có quen biết với người phụ nữ khác, hay cờ bạc, Bà và chồng bà đã sống ly thân từ 2014 đến nay. Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên bà yêu cầu được ly hôn với chồng bà là ông Trần Thanh

V. Ngoài ra bà P có đơn đề nghị tòa án tiến hành xét xử vắng mặt do tôi bận làm ăn, không có thời gian đi lại nhiều.

Về con chung: Bà P và ông V có 01 con chung là cháu Trần Quốc D (nam) sinh ngày 17/01/2006. Hiện tại cháu đang sống với bà P. Nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, bà P có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông V vắng mặt không có lý do nên đề nghị áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy P được ly hôn với ông Trần Thanh V; về con chung: tiếp tục giao cháu Trần Quốc D (nam), sinh ngày 17/01/2006. Ông V chưa phải cấp dưỡng nuôi con do bà P chưa có yêu cầu.

Ông Trần Thanh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà P và ông V tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, giữa bà P và ông V phát sinh mâu thuẫn nên bà P nộp đơn yêu cầu ly hôn. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết bà P có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà P và ông V.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa bà P và ông V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 04/6/2007 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống bà P và ông V phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan niệm sống, ông V không quan tâm chăm sóc vợ con mà còn có người phụ nữ khác, thường xuyên cờ bạc, dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên đời sống chung không thể kéo dài từ đó bà và ông đã ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Bà P đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng không có kết quả nên có cơ sở cho thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông V là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của bà P, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông bà có 01 con chung là cháu Trần Quốc D (nam) ngày 17/01/2006. Hiện cháu đang do bà đang nuôi dưỡng, được bà P cho đi học hành đầy đủ, chăm sóc chu đáo. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2020 cháu Danh có nguyện vọng được sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ tiếp tục giao cháu Danh cho bà P nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về mức cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, bà P không yêu cầu ông V cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này bà P có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà P phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy P được ly hôn với ông Trần Thanh V.

Về con chung: Tiếp tục giao các cháu Trần Quốc D (nam) sinh ngày 17/01/2006, cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, ông Trần Thanh V chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Thanh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thúy P phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003831 ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà P đã nộp xong).

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CCTHADS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Kính